|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Bắc Kạn, ngày tháng năm 2022* |

 **(DỰ THẢO)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

**KHÓA X, KỲ HỌP THÁNG 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số*[*163/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-163-2016-nd-cp-huong-dan-luat-ngan-sach-nha-nuoc-335331.aspx)*ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số*[*115/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx)*ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số*[*138/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx)*ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 92*[*/2021/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-228-2016-tt-btc-quan-ly-su-dung-phi-tuyen-dung-du-thi-nang-ngach-thang-hang-cong-vien-chuc-331908.aspx)*ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số…./TTr-UBND ngày…tháng…năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết nàyQuy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn *(có Quy định kèm theo)*.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp tháng 10 thông qua ngày…tháng…năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày …tháng…năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- VPQH, VPCP, VPCTN;- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ LĐTB&XH;- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành tỉnh;- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;- Các Tổ chức Hội cấp tỉnh được giao biên chế;- Phòng Công tác HĐND;- Lưu: VT, ... | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số…./2022/NQ-HĐND ngày…tháng…năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Việc chi trả chế độ được tính theo thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3. Nội dung chi, mức chi**

| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Định mức chi tối đa**ĐVT: Đồng |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định nội dung tài liệu ôn tập | Người/ngày | 200.000 |
| 2 | Hướng dẫn ôn tập  |  |  |
|  | Giảng viên, báo cáo viên là Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở, ban, ngành; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giảng viên chính và các chức danh tương đương công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương. | Người/buổi | 800.000 |
|  | Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh | Người/buổi | 600.000 |
|  | Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện và tương đương | Người/buổi | 400.000 |
| 3 | Chi trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng, các Ban giúp việc của Hội đồng, Ban giám sát |  |  |
| a) | Các thành viên Hội đồng |  |  |
|  | Chủ tịch Hội đồng | Người/ngày | 300.000 |
|  | Phó Chủ tịch Hội đồng | Người/ngày | 270.000 |
|  | Ủy viên; thư ký | Người/ngày | 160.000 |
| b) | Các thành viên Ban đề thi |  |  |
|  | Trưởng ban | Người/ngày | 300.000 |
|  | Thành viên; thư ký | Người/ngày | 200.000 |
| c) | Các thành viên tổ in sao đề thi |  |  |
|  | Tổ trưởng | Người/ngày | 300.000 |
|  | Thành viên | Người/ngày | 200.000 |
| d) | Các thành viên Ban coi thi |  |  |
|  | Trưởng ban | Người/ngày | 300.000 |
|  | Phó Trưởng ban | Người/ngày | 270.000 |
|  | Thành viên; thư ký | Người/ngày | 160.000 |
| đ) | Các thành viên Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo |  |  |
|  | Trưởng ban | Người/ngày | 300.000 |
|  | Thành viên | Người/ngày | 270.000 |
|  | Thư ký | Người/ngày | 160.000 |
| e) | Các thành viên: Ban phách; Ban giám sát; Ban kiểm tra, sát hạch; Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển; Tổ thư ký giúp việc |  |  |
|  | Trưởng ban/Tổ trưởng | Người/ngày | 300.000 |
|  | Thành viên; thư ký | Người/ngày | 160.000 |
| 4 | Chi bồi dưỡng cho các thành viên phục vụ gián tiếp |  |  |
|  | Công an bảo vệ vòng trong | Người/ngày | 200.000 |
|  | Công an bảo vệ vòng ngoài | Người/ngày | 160.000 |
|  | Nhân viên y tế | Người/ngày | 160.000 |
|  | Nhân viên phục vụ | Người/ngày | 100.000 |
| 5 | Chi tiền ăn (cách ly) | Người/ngày | 250.000 |
| 6 | Chi giải khát | Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo Quốc tế và chi tiếp khách trong nước có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn |
| 7 | Chi thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về chỉ tiêu, điều kiện tuyển dụng công chức, viên chức; chi thuê cơ sở vật chất (hội trường, phòng thi, phòng nghỉ, phòng làm việc,…); trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho công tác tuyển dụng, thi nâng ngạch, thăng hạng  | Theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và theo các quy định hiện hành |
| 8 | Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, quyết định việc hợp đồng với cơ quan, tổ chức, đơn vị đáp ứng đủ điều kiện để xây dựng đề thi, hướng dẫn chấm thi, đáp án chấm thi  | Thực hiện theo hợp đồng thực tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ (nếu có) theo đúng quy định hiện hành |

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách sau khi trừ nguồn thu phí để lại, cụ thể:

- Đối với các kỳ tuyển dụng công chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thì do ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ theo quy định;

- Đối với các kỳ tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức, thăng hạng viên chức do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thì do ngân sách cấp huyện hỗ trợ theo quy định;

- Đối với các kỳ tuyển dụng viên chức, thăng hạng viên chức do các cơ quan chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các tổ chức Hội được giao biên chế tổ chức thì do các đơn vị tự cân đối từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị./.